

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KIM THÀNH
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2022/KDTM-ST

Ngày: 27/9/2022

V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng,
hợp đồng thế chấp tài sản

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM THÀNH, TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Bích

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hứa Thị Hương và bà Nguyễn Thị Thu

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Bảy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Vui - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 04/2021/TLST-KDTM ngày 19 tháng 7 năm 2021 về “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng, Hợp đồng thế chấp tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 01/2020/QĐXXST- KDTM ngày 19 tháng 8 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2022/QĐST-KDTM ngày 09/9/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Đ (S). Địa chỉ: số 25 Trần Hưng Đạo, phường P, quận H, thành phố H. Người đại diện theo pháp luật: ông Lê Văn T, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị. Người đại diện theo ủy quyền: ông Vũ Đình K, chức vụ: phó tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Đ. Ông K uỷ quyền cho ông Đặng Đăng Văn H, chuyên viên cao cấp xử lý nợ, Khối xử lý nợ (ông H có mặt tại phiên tòa)

2. Bị đơn: Ông Hoàng Văn T, sinh năm 1976 và bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1980. Đều có địa chỉ: Đội 7, thôn Đ, xã C, huyện K, tỉnh Hải Dương (ông T, bà M vắng mặt tại phiên tòa).

TÓM TẮT NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn trình bày: Ngày 28/12/2019, vợ chồng ông ông Hoàng Văn T và bà Nguyễn Thị M ký Hợp đồng tín dụng từng lần số

REF1936100466/HĐTD/HPF-HVT với S để vay số tiền 1.940.000.000 (một tỷ chín trăm bốn mươi triệu) mục đích để bổ sung vốn kinh doanh, lãi suất cho vay cố định trong thời gian vay là 11,1%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150%, lãi suất trong hạn và được áp dụng đối với dư nợ gốc quá hạn hoặc bằng 10%/năm và được áp dụng với dư nợ lãi chậm trả. Thời hạn cho vay là 12 tháng kể từ ngày 30/12/2019 đến 30/12/2020. S đã giải ngân và ông Hoàng Văn T, bà Nguyễn Thị M đã nhận nợ số tiền 1.940.000đồng. Khoản tiền vay thứ hai theo đơn đề nghị vay vốn và đề nghị kiêm HĐMB, phát hành, sử dụng thẻ TDQT dành cho khách hàng cá nhân ngày 20/12/2019 với hạn mức thẻ 100.000.000đồng. S đã cấp hạn mức thẻ là 100.000.000đồng cho ông Hoàng Văn T.

Tài sản đảm bảo cho khoản nợ vay là Quyền sử dụng 72m² đất tại thửa đất số 147, tờ bản đồ số 15, địa chỉ thửa đất: thôn Đông, xã Cổ Dũng, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với thửa đất số: BQ 429843, vào sổ cấp GCN:CH00236 do UBND huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương cấp ngày 27/5/2016 cho ông Hoàng Văn T và bà Nguyễn Thị M. Tài sản được thế chấp cho S theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: REF1936100466/HĐTC/HPF-HVT ngày 28/12/2019, số công chứng: 14483, Quyển số: 18-TP/CC-SCC/HĐGD ngày 28/12/2019 tại phòng Công chứng số 1, tỉnh Hải Dương. Tài sản được đăng ký giao dịch đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật. Trong quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng nói trên, ông Hoàng Văn T, bà Nguyễn Thị M mới thanh toán được cho S số tiền là: 213.909.352 đồng. Trong đó trả nợ gốc là 15.289.501 đồng, lãi là 198.619.851 đồng. Thời gian quá hạn từ tháng 01/2021. S đã nhiều lần đôn đốc, yêu cầu ông Hoàng Văn T, bà Nguyễn Thị M trả nợ nhưng ông T và bà M vẫn không thực hiện theo yêu cầu của Ngân hàng, có biểu hiện kéo dài thời gian trốn tránh nghĩa vụ trả nợ. Nay quan điểm của S đề nghị Toà án giải quyết: Buộc ông Hoàng Văn T và bà Nguyễn Thị M phải có trách nhiệm thanh toán trả cho S số tiền tính đến hết ngày 27/9/2022 là 2.681.481.888 đồng, bao gồm nợ gốc là 2.032.873.712 đồng, nợ lãi là 648.608.176 đồng. Cụ thể: Tiền theo Hợp đồng tín dụng từng lần số REF1936100466/HĐTD/HPF-HVT ngày 28/12/2019, nợ gốc là 1.939.748.499 đồng; nợ lãi quá hạn là 17.699.178 đồng, nợ lãi trong hạn là 563.068.927 đồng; Tiền theo Đơn đề nghị vay vốn và đề nghị kiêm HĐHM, phát hành, sử dụng thẻ ngày 20/12/2019, nợ gốc là 93.125.213 đồng, nợ lãi quá hạn là 65.064.071 đồng. Ngoài ra, S còn đề nghị Toà án buộc ông Hoàng Văn T và bà Nguyễn Thị M thanh toán cho S số tiền lãi, phí phát sinh theo lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn tại Hợp đồng tín dụng từng lần số REF1936100466/HĐTD/HPF-HVT ngày 28/12/2019 và đơn đề nghị vay vốn và đề nghị kiêm HĐHM, phát hành, sử dụng

thẻ TDQT dành cho khách hàng cá nhân ngày 20/12/2019 kể từ ngày 27/9/2022 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ; Trường hợp ông T, bà M không thực hiện được nghĩa vụ trả nợ thì S đề nghị phát mại tài sản bảo đảm của ông T, bà M đã thế chấp nêu trên để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật. Nếu số tiền phát mại các tài sản không đủ để thanh toán hết các khoản nợ thì ông T, bà M vẫn phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho S cho đến khi tất toán toàn bộ khoản vay.

Về phía Bị đơn: Sau khi thụ lý vụ án, Toà án đã triệu tập ông T, bà M nhiều lần đến Toà án để giải quyết vụ án, nhưng ông T và bà M đều vắng mặt. Toà án đã về địa phương xã Cổ Dũng để tổng đạt trực tiếp cho ông T, bà M Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Thông báo về thời gian xem xét thẩm định tại chỗ, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, công khai chứng cứ và hoà giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên toà nhưng đều không gặp được ông T, bà M. Toà án đã tiến hành niêm yết tất cả các văn bản tố tụng trên theo quy định của pháp luật. Đồng thời tiến hành giao các văn bản tố tụng đó cho bố đẻ ông T là ông Hoàng Văn Tới.

Tại Biên bản lấy lời khai của ông Hoàng Văn Tới cung cấp ông T, bà M có vay Ngân hàng số tiền cụ thể bao nhiêu ông không nắm được. Ông T, bà M mở hàng ăn ở Hà Nam, còn cụ thể ở địa chỉ nào thì ông không biết. Anh T, chị M vẫn thường xuyên về nhà. Khi Toà án về giao các văn bản tố tụng cho ông T, bà M ông đều nhận thay, có lần ông thông báo, có lần ông giao trực tiếp cho ông T bà M. Còn việc ông T, bà M có đến làm việc với Toà án hay không ông không được biết.

Tại Biên bản xác minh tại Công an xã Cổ Dũng, huyện Kim Thành xác định vợ chồng anh T, chị M có đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã Cổ Dũng, huyện Kim Thành. Anh T, chị M thỉnh thoảng có đi làm ăn ở tỉnh Hà Nam, địa chỉ ở đâu thì Công an xã không nắm được, nhưng vẫn về nhà tại thôn Đông, xã Cổ Dũng, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương.

Tại Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 11/7/2022 và biên bản xác minh tại UBND xã Cổ Dũng, huyện Kim Thành xác định: Quyền sử dụng đất tại thửa 147, tờ bản đồ số 15, diện tích 71 m² tại thôn Đ, xã C, huyện K, tỉnh Hải Dương được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BQ429843 do UBND huyện Kim Thành cấp ngày 27/5/2014 mang tên ông Hoàng Văn T, bà Nguyễn Thị M. Trên đất có các tài sản là nhà ở 3 tầng diện tích xây dựng 72m², diện tích sàn 216m², nhà xây gạch mái bê tông. Ngoài công trình trên thì diện tích đất không còn tài sản gì khác.

Tại phiên tòa: Người đại diện theo uỷ quyền của Nguyên đơn vẫn giữ nguyên quan điểm đã trình bày, đề nghị HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa thực hiện đúng thủ tục tố tụng. Nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Đ. Buộc ông T, bà M phải có nghĩa vụ thanh toán trả toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng đã ký kết. Ngoài ra, quan điểm của VKS còn đề nghị HĐXX xem xét giải quyết về án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng:

Về xác định quan hệ pháp luật tranh chấp: Ngân hàng TMCP Đ là chủ thể có đăng ký kinh doanh ký kết hợp đồng tín dụng với ông Hoàng Văn T, bà Nguyễn Thị M cũng là chủ thể hộ kinh doanh có đăng ký kinh doanh với nội dung vay tiền để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh, phát sinh lợi nhuận và trả lãi cho Ngân hàng. Như vậy, mục đích của các bên đều là mục đích lợi nhuận nên xác định đây là tranh chấp kinh doanh thương mại theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn ông Hoàng Văn T và bà Nguyễn Thị M có hộ khẩu thường trú tại xã C, huyện K, tỉnh Hải Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương.

Về sự vắng mặt của đương sự tại phiên tòa: Ông T, bà M được Tòa án đã triệu tập hợp lệ 2 lần nhưng đều vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt ông T và bà M.

[2]. Về nội dung:

Đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng buộc ông T, bà M phải trả số tiền nợ gốc 2.032.748.712 đồng và nợ lãi phát sinh theo hợp đồng thì thấy: Hợp đồng tín dụng số REF1936100466 ngày 28 tháng 12 năm 2019 giao kết giữa S với ông Hoàng Văn T, bà Nguyễn Thị M đã thể hiện ý chí tự nguyện thỏa thuận của các bên về lãi suất cho vay, phương thức giải ngân, kỳ hạn trả nợ gốc và lãi.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông T, bà M mới thanh toán cho S số tiền gốc là 15.289.501đồng và tiền lãi 198.619.851đồng, sau đó ông T, bà M đã không thanh toán trả cho S khoản nợ gốc cũng như lãi phát sinh khi đến hạn. Quá trình giải quyết vụ án, mặc dù không tiến hành lấy được lời khai của bị đơn để xác định quan điểm của bị đơn về việc giải quyết vụ án. Song căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do phía Ngân hàng cung cấp thể hiện ngày 22/10/2021, ông Hoàng Văn T có đơn đề nghị Ngân hàng xin giảm một phần lãi, nộp tiền gốc lãi còn lại để chuộc tài sản đảm bảo của khoản nợ vay tại S. Tại công văn số 82/2021/TB-S ngày 03/11/2021, S nhất trí với đề nghị của ông T, bà M với điều kiện chậm nhất đến ngày 10/11/2021, ông Hoàng Văn T và bà Nguyễn Thị M phải thanh toán số tiền 2.150.000.000đồng. Ngày 12/11/2021, tại gia đình ông T, S và phía vợ chồng ông T bà M đã lập biên bản làm việc về việc thu hồi nợ của khách hàng, Do đó, có căn cứ xác định ông T bà M còn nợ S tổng số tiền nợ gốc theo Hợp đồng tín dụng từng lần và nợ gốc theo Đơn đề nghị vay vốn và đề nghị kiêm HĐMB là 2.032.873.712 đồng. Về tiền lãi phát sinh theo hợp đồng: căn cứ vào thoả thuận trong hợp đồng xác định đến ngày 27/9/2022, tiền lãi quá hạn của Hợp đồng tín dụng từng lần là 17.699.178đồng, lãi trong hạn là 563.068.927đồng. Tiền lãi quá hạn theo đơn đề nghị vay vốn và đề nghị kiêm HĐHM, phát hành, sử dụng thẻ TDQT dành cho KH cá nhân ngày 20/12/2019 là 65.064.071đồng. Ông T, bà M đã không thực hiện đúng thoả thuận về phương thức thanh toán, vi phạm nghĩa vụ trả tiền gốc và lãi theo thoả thuận, làm ảnh hưởng đến quyền lợi của Ngân hàng. Do đó, S yêu cầu ông Hoàng Văn T, bà Nguyễn Thị M phải thanh toán trả cho Ngân hàng số tiền gốc và số tiền lãi phát sinh tính đến ngày 27/9/2022 là 2.681.481.888 đồng là có căn cứ cần được chấp nhận.

[2] Đối với yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của ông Hoàng Văn T, bà Nguyễn Thị M thì thấy: Căn cứ vào Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số REF1936000466/HĐTC/HPE-HVT ngày 28/12/2019 giữa bên thế chấp là ông Hoàng Văn T, bà Nguyễn Thị M và bên nhận thế chấp là Ngân hàng TMCP Đ- chi nhánh Hải Dương. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số BQ 429843, sổ vào sổ cấp GCN: CH00236 do UBND huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương cấp ngày 27/5/2024 cho ông Hoàng Văn T và bà Nguyễn Thị M. Hợp đồng thế chấp được công chứng và đăng ký giao dịch đảm bảo tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương ngày 30/12/2019. Xét thấy: Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số REF1936000466 ngày 28/12/2019 giữa S với ông T, bà M về hình thức hợp đồng theo đúng quy định của Bộ luật dân sự; về nội dung

hai bên giao kết hợp đồng có đủ năng lực hành vi dân sự, tự nguyện ký hợp đồng; tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất và nhà ở tại địa chỉ thôn Đông, xã Cổ Dũng, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương đứng tên ông Hoàng Văn T và Nguyễn Thị M nên là tài sản hợp pháp của ông T, bà M. Việc giao kết giữa hai bên tuân thủ các quy định tại các Điều 292, 293, 298, 317, 318, 319 của Bộ luật dân sự. Sau khi ký hợp đồng thế chấp các bên tiến hành thủ tục đăng ký hợp đồng thế chấp và giữa các bên không có tranh chấp về hợp đồng nên hợp đồng thế chấp có hiệu lực pháp luật. Trong quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ đã xác định được nhà đất đúng hiện trạng và thửa đất hiện không có biến động gì so với thời điểm thế chấp. Theo hợp đồng, ông T, bà M tự nguyện thế chấp quyền sử dụng đất và nhà ở của mình để đảm bảo cho khoản vay tại S chi nhánh Hải Dương, hợp đồng cũng xác định Ngân hàng có quyền đề nghị Tòa án kê biên tài sản thế chấp nếu bên thế chấp vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng. Do đó, yêu cầu của S đề nghị Toà án xem xét xử lý tài sản thế chấp của bị đơn nếu bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo thoả thuận đã ký kết là có căn cứ nên được chấp nhận. Trường hợp phát mại tài sản thế chấp không đủ để thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì ông T bà M phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho đến khi trả hết toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng.

[3]. Về chi phí thẩm định tại chỗ: Căn cứ vào khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 158 Bộ luật tố tụng dân sự, ông Hoàng Văn T và bà Nguyễn Thị M phải hoàn trả cho S toàn bộ số tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 2.000.000đồng

[4]. Về án phí: Yêu cầu của Nguyên đơn được chấp nhận nên ông Hoàng Văn T và bà Nguyễn Thị M phải chịu tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Trả lại Nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, Điều 147, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 158, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 91, Điều 95, Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 306 Luật Thương mại năm 2005; Điều 299, Điều 317, khoản 6 Điều 320, Điều 322, Điều 323, Điều 463, Điều 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Đ (S) chi nhánh Hải Dương. Buộc ông Hoàng Văn T và bà Nguyễn Thị M phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP Đ (S) chi nhánh Hải Dương số tiền gốc là 2.032.873.712 đồng (*hai tỷ không trăm ba mươi hai triệu tám trăm bảy ba nghìn bảy trăm mười hai đồng*) và số tiền lãi phát sinh là 648.608.176 đồng (*sáu trăm bốn mươi tám triệu sáu trăm linh tám nghìn một trăm bảy sáu đồng*).

Buộc ông Hoàng Văn T, bà Nguyễn Thị M phải thanh toán cho S số tiền lãi, phí phát sinh theo lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn tại Hợp đồng tín dụng từng lần số REF1936000466/HĐTD-HVT ngày 28/12/2019 và Đơn đề nghị vay vốn và đề nghị kiêm HĐHM, phát hành, sử dụng thẻ TDQT dành cho KH cá nhân ngày 20/12/2019 kể từ ngày 28/9/2022 cho đến khi ông T và bà M trả xong toàn bộ khoản nợ.

2. Về xử lý tài sản thế chấp: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, nếu ông T, bà M không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc không thanh toán xong khoản nợ thì S có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự xử lý khối tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 147, tờ bản đồ số 15, diện tích 72m² có địa chỉ tại thôn Đông, xã Cổ Dũng, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BQ 429843, số vào sổ cấp GCN: CH00236 do UBND huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương cấp ngày 27/5/2014 mang tên ông Hoàng Văn T và bà Nguyễn Thị M và tài sản gắn liền trên đất gồm: 01 nhà xây gạch, mái bê tông 3 tầng diện tích xây dựng 72m², diện tích sàn 216m² theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số REF1936000466/HĐTC/HPF-HVT ngày 28/12/2019.

Trường hợp số tiền thu được từ tài sản bảo đảm không đủ để thanh toán khoản nợ, ông Hoàng Văn T và bà Nguyễn Thị M vẫn phải tiếp tục trả số nợ gốc và lãi còn lại cho đến khi thanh toán hết nợ cho S.

3. Về chi phí tố tụng: Buộc ông Hoàng Văn T và bà Nguyễn Thị M phải có nghĩa vụ thanh toán cho S số tiền 2.000.000 đồng (*hai triệu đồng*) chi phí xem xét thẩm định tại chỗ.

4. Về án phí: Ông Hoàng Văn T và bà Nguyễn Thị M phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 85.268.000 đồng.

Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Thành hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP Đ, chi nhánh Hải Dương số tiền 37.874.562 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2018/0006446 ngày 16/7/2021.

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với người vắng mặt tại phiên tòa, thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Kim Thành;
- Chi cục THADS huyện Kim Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.
- Lưu văn phòng;

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Ngọc Bích